

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/DS-ST.
Ngày: 18-9-2020.
V/v Tranh chấp dân sự nợ hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.

2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2020/TLST-DS, ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp dân sự nợ hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2020/QĐXXST-DS ngày 10/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2020/QĐST-DS ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ 47, ấp BH, xã BT, huyện CL, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N là bà Ngô Thị Kim Xuyên, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 33-35, đường LVT, tổ 34, khóm 3, phường 1, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Kim M (Bảy Tèo), sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp BMB, xã BT, huyện CL, Đồng Tháp.

(Bà Xuyên có mặt; bà N, bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ủy quyền cho bà Ngô Thị Kim Xuyên trình bày:

Bà Đỗ Thị Kim M có chơi hui do bà N làm chủ thảo, bà M tham gia 04 dây hui như sau:

Dây hui thứ 1: Hui 1.000.000 đồng, hui tháng, khai ngày 25/02/2018 âm lịch đến ngày 25/11/2019 âm lịch là mãn hui, có 22 phần tham gia. Bà M

tham gia 02 phần. Bà M đã hốt 02 chân hụi vào lần thứ 4, lần thứ 5 và có mượn chân hụi của bà Phụng để hốt. Tổng cộng bà M còn thiếu 8 lần hụi chết chưa đóng của 03 phần hụi (02 phần của bà M và 01 phần mượn của bà Phụng) với tổng số tiền là 24.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng, khai ngày 29/6/2018 âm lịch có 19 phần tham gia. Bà M tham gia 02 phần (một phần ghi tên Tèo, một phần ghi tên Nguyên) nhưng bà M là người trực tiếp đóng tiền hụi và hốt hụi, bà M đã hốt 02 chân hụi và có đóng hụi chết cho bà N. Tổng cộng bà M còn thiếu 10 lần hụi chết của 02 dây hụi với số tiền là 40.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba: Hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng, khai ngày 30/6/2018 âm lịch có 18 phần tham gia. Bà M tham gia 02 phần (một phần ghi tên Tèo, một phần ghi tên Nguyên) nhưng bà M là người trực tiếp đóng tiền hụi và hốt hụi, bà M đã hốt 02 chân hụi và có đóng hụi chết cho bà N. Tổng cộng bà M còn thiếu 09 lần hụi chết của 02 phần hụi với số tiền là 36.000.000 đồng.

Dây hụi thứ tư: Hụi 1.000.000 đồng, hụi tháng, khai ngày 20/7/2018 âm lịch có 24 phần tham gia. Bà M tham gia 04 phần (một phần ghi tên Tèo, một phần ghi tên Nguyên, 02 phần ghi tên Cung) nhưng bà M là người trực tiếp đóng tiền hụi và hốt hụi, bà M đã hốt 03 phần hụi, còn 01 phần hụi trong 04 phần hụi trên, do bà M không đóng tiền nên bà N đã lấy phần hụi đó để bà N tham gia, do đó đối với phần hụi này thì bà N không có yêu cầu gì đối với bà M. Tổng cộng bà M còn thiếu 17 lần hụi chết của 03 phần hụi với số tiền là 51.000.000 đồng. Tổng số tiền hụi chết đến ngày xét xử bà M còn thiếu lại bà N tổng cộng là 151.000.000 đồng, trừ đi số tiền bà M đã đóng 6.550.000 đồng thì bà M còn nợ bà N số tiền hụi là 144.450.000 đồng.

Tên thường gọi của bà M là 7 Tèo, trong dây hụi có tên Cung và Nguyên là con của bà M nhưng bà M là người trực tiếp đóng tiền và trực tiếp nhận tiền hụi của bà N hàng tháng.

Bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CL giải quyết buộc bà Đỗ Thị Kim M (7 Tèo) trả cho bà N số tiền hụi chết là 144.450.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Đỗ Thị Kim M: đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- Giấy CMND Nguyễn Thị N và Sổ hộ khẩu (photo).
- Giấy hụi (photo);
- Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và tiền án phí đề ngày 08/7/2019 (Bản chính);
- Giấy ủy quyền của bà N đề ngày 08/7/2019 (bản chính);

- Tờ tường trình của bà Võ Thị Thật (Tur Thật) đề ngày 05/8/2020 (bản chính);
- Tờ tường trình của chị Phạm Thị Hằng Ni (Diệu) đề ngày 05/8/2020 (bản chính);
- Tờ tường trình của bà Nguyễn Thị Nhị (Tur Nèm) đề ngày 05/8/2020 (bản chính);
- Văn bản trình bày ý kiến của bà Đặng Thị Mạnh (Năm Than) đề ngày 05/8/2020 (bản chính);
- Tờ tường trình của bà Phan Thị Thu Liên đề ngày 05/8/2020 (bản chính)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Đỗ Thị Kim M (7 Tèo) trả cho bà N số tiền hui chết là 144.450.000 đồng. Ngoài ra các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự nợ hui theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân và do bị đơn có địa chỉ ở ấp BMB, xã BT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CL theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim M đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Đỗ Thị Kim M (7 Tèo) trả cho bà N số tiền hui chết là 144.450.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Đỗ Thị Kim M có chơi 04 dây hui do bà N làm chủ thảo. Bà M đã hót hui nhưng chưa đóng tiền hui chết cho bà N. Cụ thể dây hui thứ nhất bà M còn thiếu 8 lần hui chết với số tiền là 24.000.000 đồng; Dây hui thứ hai bà M còn thiếu 10 lần hui chết với số tiền là 40.000.000 đồng; Dây hui thứ ba bà M còn thiếu 09 lần hui chết với số tiền là 36.000.000 đồng; Dây hui thứ tư bà M còn thiếu 13 lần hui chết với số tiền là 51.000.000 đồng. Tổng cộng bà M còn nợ bà N số tiền hui chết là 151.000.000 đồng. Sau đó bà M đóng được

6.550.000 đồng nên hiện nay bà M còn nợ bà N số tiền hui là 144.450.000 đồng. Việc bà M còn nợ tiền hui của bà N phù hợp với lời khai của những người làm chứng là những người cùng chơi hui chung với bà M là bà Võ Thị Thật (Tur Thật), chị Phạm Thị Hằng Ni (Diệu), Nguyễn Thị Nhị (Tur Nèm), Đặng Thị Mạnh (Năm Than) thì bà M có chơi hui và đã hót 04 chân hui như đã nêu.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp nhưng bà M vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời bà M cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự có thể khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

Như vậy, việc bà M còn nợ bà N số tiền hui 144.450.000 đồng là có thật và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó buộc bà Đỗ Thị Kim M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ hui 144.450.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án thì bà M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N.

- Buộc bà Đỗ Thị Kim M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ hui 144.450.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Đỗ Thị Kim M phải chịu 7.222.500 đồng (Bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị N được chấp nhận nên bà N không phải chịu tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA (Đ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Thị Ngọc Minh